

Phụ lục
MẪU BÁO CÁO, PHỤ BIỂU BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Thông tư số 44/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư

Mẫu số 01	Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư cả năm
Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư công	
Mẫu số 02	Báo cáo đánh giá ban đầu
Mẫu số 03	Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư (6 tháng, cả năm)
Mẫu số 04	Báo cáo đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn
Mẫu số 05	Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư
Mẫu số 06	Báo cáo đánh giá đột xuất
Mẫu số 07	Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư
Mẫu số 08	Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình khai thác, vận hành (cả năm)
Mẫu số 09	Báo cáo đánh giá tác động
Mẫu số 10	Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý trong năm
Mẫu, phụ biểu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư dự án PPP	
Mẫu số 11	Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư (6 tháng, cả năm)
Mẫu số 12	Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình khai thác, vận hành (cả năm)
Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư	
Mẫu số 13	Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình thực hiện dự án đầu tư (hàng quý, cả năm)
Mẫu số 14	Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình đầu tư
Mẫu số 15	Báo cáo đánh giá đột xuất
Mẫu số 16	Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư
Mẫu số 17	Báo cáo đánh giá kết thúc
Mẫu số 18	Báo cáo đánh giá tác động
Mẫu báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng	
Mẫu số 19	Báo cáo tình hình giám sát đầu tư của cộng đồng

Mẫu số 01. Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư cả năm ..

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐT

.... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ
(Năm...)

Kính gửi:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của các bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương và doanh nghiệp nhà nước.

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư các dự án trên Hệ thống nghiệp vụ về giám sát, đánh giá đầu tư

B. VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN

I. VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN

1. Tình hình ban hành các văn bản hướng dẫn các chính sách pháp luật về đầu tư *(thống kê số lượng văn bản ban hành và đánh giá kết quả tổ chức thực hiện)*.

(Kèm theo Phụ biểu: B.01.1)

2. Khó khăn, vướng mắc (nếu có).

3. Đề xuất kiến nghị (nếu có).

II. VIỆC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÁC QUY HOẠCH THEO QUY ĐỊNH

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các quy hoạch *(thống kê số lượng quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch được lập, thẩm định, phê duyệt và đánh giá kết quả tổ chức thực hiện quy hoạch)*.

(Kèm theo Phụ biểu: B.02.1, B.02.2)

2. Khó khăn, vướng mắc (nếu có).

3. Đề xuất kiến nghị (nếu có).

C. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ TRONG KỲ

1. Đánh giá chung về tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ

- Đánh giá về tổng vốn đầu tư được huy động trong kỳ: tổng số và mức độ tăng/giảm so với năm trước.

- Đánh giá về cơ cấu vốn huy động trong kỳ: vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công (khoản 19 Điều 3 Nghị định số 19/2026/NĐ-CP), vốn khác (trong đó vốn FDI, vốn của nhà đầu tư tư nhân trong nước) được huy động trong kỳ và mức độ tăng/giảm so với năm trước.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công trong kỳ

- Việc lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công.

- Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công: Tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công trong kỳ; Đánh giá tổng giá trị giải ngân so với tổng vốn kế hoạch giao.

- Số vốn bố trí trả nợ đọng XDCB, số nợ đọng XDCB còn lại; đánh giá tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư công (nếu có).

(Kèm theo Phụ biểu C.01.1)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

1. Tình hình thực hiện các chương trình đầu tư công

1.1. Tổng hợp tình hình lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công: số lượng chương trình đầu tư công được quyết định chủ trương đầu tư, trong đó, nêu rõ số lượng chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có); giá trị tổng vốn nhà nước (bao gồm: vốn đầu tư công (NSTW, NSDP, vốn nước ngoài, vốn khác), kinh phí thường xuyên (NSTW, NSDP) và vốn huy động khác) tham gia vào các chương trình này và các chương trình đầu tư công khác (nếu có).

1.2. Tổng hợp tình hình thực hiện chương trình đầu tư công

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện (trong đó, làm rõ giá trị khối lượng thực hiện của vốn nhà nước tham gia dự án), tổng số vốn giải ngân các dự án thành phần thuộc chương trình đầu tư công, trong đó nêu rõ:

+ Vốn đầu tư công (NSTW, NSDP, vốn nước ngoài, vốn khác);

+ Kinh phí thường xuyên (NSTW, NSDP);

+ Và vốn huy động khác.

- Sơ bộ kết quả đạt được so với mục tiêu của chương trình đã được phê duyệt.

1.3. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

1.4. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo Phụ biểu: C.02.1a, C.02.1b, C.02.1c)

2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư công (bao gồm cả trường hợp doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công bằng văn bản)

2.1. Tổng hợp tình hình chuẩn bị dự án đầu tư công:

- Tổng số dự án đầu tư công được quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư.
- Tổng số dự án đầu tư công được quyết định, điều chỉnh đầu tư, trong đó, nêu rõ số dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

2.2. Tổng hợp tình hình thực hiện các dự án đầu tư công

- Tổng số dự án đầu tư công thực hiện trong kỳ (phân loại theo nhóm Dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, nhóm B, nhóm C; số lượng dự án khởi công mới, số lượng dự án chuyển tiếp từ kỳ trước theo Phụ biểu số C.02.2a)

- Tình hình thực hiện dự án đầu tư so với tiến độ thực hiện được phê duyệt, trong đó nêu rõ số dự án chậm tiến độ.

- Tình hình thực hiện và giải ngân

+ Tổng giá trị khối lượng thực hiện (chi tiết theo nhóm dự án sử dụng vốn trong nước, dự án sử dụng vốn nước ngoài; nhóm dự án sử dụng vốn NSTW, NSDP)

+ Tổng số vốn giải ngân (chi tiết theo nhóm dự án sử dụng vốn trong nước, dự án sử dụng vốn nước ngoài; nhóm dự án sử dụng vốn NSTW, NSDP).

- Số dự án còn nợ đọng XD CB (nếu có).

- Số dự án được quyết toán vốn đầu tư công trong kỳ.

2.3. Tổng hợp tình hình nghiệm thu, đưa dự án vào khai thác sử dụng

- Số dự án được nghiệm thu hoàn thành.

- Số dự án được quyết toán hoàn thành trong kỳ.

- Số dự án được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trong kỳ, trong đó, nêu rõ số dự án có thất thoát, gây lãng phí (nếu có).

- Tình hình khai thác sử dụng dự án:

+ Tổng số dự án đưa vào khai thác sử dụng.

+ Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ, trong đó, nêu rõ số dự án đưa vào sử dụng nhưng kém hiệu quả (nếu có).

2.4. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

2.5. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo các Phụ biểu: C.02.2a, C.02.2b)

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG

1. Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước để đầu tư kinh doanh tại doanh nghiệp nhà nước, nội dung báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư thực hiện theo mục V dưới đây.

2. Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công khác trừ dự án quy định tại mục III.1 nêu trên, nội dung báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư thực hiện theo mục II trên đây.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP

1. Tổng hợp tình hình thực hiện chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng dự án.

Số dự án được quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, ký kết hợp đồng, trong đó, làm rõ số dự án có vốn nhà nước tham gia và giá trị tổng vốn nhà nước tham gia vào các dự án này.

2. Tổng hợp tình hình thực hiện Hợp đồng dự án.

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện các dự án PPP, trong đó, làm rõ giá trị khối lượng thực hiện của vốn nhà nước tham gia dự án.

- Tổng số vốn giải ngân các dự án PPP trong kỳ, trong đó, nêu rõ:

+ Vốn nhà nước đã giải ngân (vốn nhà nước giải ngân trong kỳ, lũy kế vốn nhà nước đã giải ngân, tỷ lệ giải ngân so với tổng vốn nhà nước tham gia vào dự án).

+ Vốn chủ sở hữu đã giải ngân (vốn chủ sở hữu đã giải ngân trong kỳ, lũy kế vốn chủ sở hữu đã giải ngân, tỷ lệ giải ngân so với tổng vốn chủ sở hữu).

+ Vốn vay đã giải ngân (vốn vay đã giải ngân trong kỳ, lũy kế vốn vay đã giải ngân, tỷ lệ giải ngân so với tổng vốn vay).

3. Tổng hợp tình hình quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, đưa dự án vào khai thác, vận hành

- Số dự án được quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, trong đó, làm rõ số dự án được quyết toán vốn đầu tư công và số dự án được quyết toán vốn xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Số dự án được xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Số dự án đưa vào khai thác, vận hành.

- Số dự án được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trong kỳ, trong đó, nêu rõ số dự án có thất thoát, gây lãng phí (nếu có).

- Số dự án kết thúc hợp đồng.

- Số dự án được đánh giá tác động, trong đó, nêu rõ số dự án đưa vào sử dụng nhưng kém hiệu quả (nếu có).

4. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

5. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo Phụ biểu: C.04.1)

V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ

1. Tổng hợp tình hình thực hiện chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư.

Số dự án được quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, trong đó, làm rõ số dự án có vốn nhà nước tham gia (dự án do doanh nghiệp nhà nước là nhà đầu tư).

2. Tổng hợp tình hình thực hiện dự án

- Tổng vốn đầu tư đăng ký và tổng số vốn đầu tư được thực hiện (chi tiết theo vốn đầu tư (gồm vốn chủ sở hữu và vốn huy động) của nhà đầu tư trong nước (bao gồm vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước và vốn khác) và vốn FDI).

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách Nhà nước, bao gồm: tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước; thực hiện cam kết nộp NSNN (nếu có) và giá trị thực hiện các nghĩa vụ khác theo cam kết (nếu có).

- Tình hình khai thác, vận hành dự án, trong đó, nêu rõ kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về số lao động, tình hình thực hiện nộp ngân sách nhà nước (thuế thu nhập doanh nghiệp), đầu tư cho nghiên cứu & phát triển, xử lý và bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

3. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

4. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo Phụ biểu số C.05.1, C.05.2, C.05.3 và C.05.4)

VI. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ TRONG KỲ

1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Đánh giá về tình hình kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án: số lượng đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện trong kỳ; số lượng dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện; số lượng dự án có khó khăn, vướng mắc và kiến nghị xử lý.

3. Đánh giá về tình hình thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng

- Tình hình triển khai công tác giám sát đầu tư của cộng đồng:

+ Việc chấp hành các quy định về giám sát đầu tư của Mặt trận tổ quốc các cấp, ban giám sát cộng đồng;

+ Số lượng dự án được thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng;

+ Các phát hiện chính của công tác giám sát đầu tư của cộng đồng (theo quy định tại Điều 80 Nghị định số 19/2026/NĐ-CP);

- Kết quả xử lý sau giám sát đầu tư của cộng đồng.
- Các khó khăn vướng mắc, kiến nghị giải pháp xử lý.

(Kèm theo Phụ biểu C.06)

(Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện, định kỳ hằng năm)

D. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành.
2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 02. Báo cáo đánh giá ban đầu*(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCĐGĐT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BAN ĐẦU**Tên dự án:****Kính gửi:****I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN (tóm tắt theo Quyết định đầu tư)**

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
4. Mục tiêu của dự án:
5. Quy mô, công suất:
6. Nội dung đầu tư chính/các hạng mục đầu tư chính:
7. Địa điểm dự án:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Hình thức quản lý dự án:
10. Các mốc thời gian về dự án:
 - Số, ngày phê duyệt quyết định đầu tư:
 - Thời gian thực hiện dự án:
 - + Thời gian bắt đầu:
 - + Thời gian kết thúc:
11. Tổng mức đầu tư:
12. Nguồn vốn đầu tư:

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Công tác chuẩn bị, tổ chức, huy động các nguồn lực để thực hiện dự án bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ đã được phê duyệt.
2. Những vướng mắc, phát sinh mới xuất hiện so với thời điểm phê duyệt dự án.
3. Những nội dung có liên quan khác (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ*(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 03. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư
(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGĐT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ
TRONG GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(6 tháng/năm)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN *(tóm tắt theo Quyết định đầu tư hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh)*

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

(Thông tin về dự án chỉ báo cáo 01 lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi quyết định đầu tư dự án hoặc sau khi điều chỉnh dự án có các nội dung điều chỉnh liên quan đến những thông tin về dự án nêu trên)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

1.1. Tiến độ thực hiện dự án: *(Công tác lập TKKT, công tác thu hồi, bồi thường và hỗ trợ tái định cư, công tác đấu thầu, công tác thực hiện hợp đồng).*

1.2. Giá trị khối lượng thực hiện dự án theo tiến độ:

- Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

+ Tổng diện tích đất được thu hồi và bàn giao đến thời điểm báo cáo.

+ Giá trị bồi thường đến thời điểm báo cáo so với tổng giá trị bồi thường theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

+ Khó khăn, vướng mắc (nếu có):

- Công tác thực hiện dự án theo hợp đồng *(mức độ hoàn thành các hạng mục theo hợp đồng, giá trị khối lượng thực hiện)*

1.3. Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân:

1.4. Chất lượng công việc đạt được: *(Mô tả chất lượng công việc đã đạt được tương ứng với các giá trị khối lượng công việc trong từng giai đoạn đã được nghiệm thu, thanh toán)*

1.5. Các chi phí khác liên quan đến dự án:

1.6. Các biến động liên quan đến quá trình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

2.1. Kế hoạch triển khai thực hiện: *(Nêu kế hoạch tổng thể từng giai đoạn công tác quản lý dự án để đạt được tiến độ yêu cầu)*

2.2. Kế hoạch chi tiết các nội dung quản lý thực hiện dự án: *(Mô tả kế hoạch chi tiết của từng giai đoạn đối với thành phần công việc liên quan đến giai đoạn quản lý thực hiện dự án)*

2.3. Kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp với yêu cầu:

2.4. Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

3.1. Việc đảm bảo thông tin báo cáo: *(Tính chính xác, trung thực của thông tin báo cáo)*

3.2. Xử lý thông tin báo cáo: *(Việc xử lý các thông tin báo cáo kịp thời kể từ khi nhận được báo cáo để phản hồi kịp thời, tránh gây hậu quả bất lợi cho dự án).*

3.3. Kết quả giải quyết các vướng mắc, phát sinh: *(Nêu các kết quả đạt được thông qua quá trình đã xử lý các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án).*

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

IV. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

(Kèm theo Phụ biểu 03A.1.1, 03A.1.2, 03A.2, 03A.3)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 04. Báo cáo đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn*(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)***TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN****TÊN CHỦ ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCĐGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ HOẶC GIAI ĐOẠN**Tên dự án:**

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN*Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.***II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

1. Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án so với mục tiêu đầu tư.
2. Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt.
3. Các nội dung có liên quan khác (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Đề xuất các giải pháp cần thiết, kể cả việc điều chỉnh chương trình, dự án.

CHỦ ĐẦU TƯ*(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 05. Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư
(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Báo cáo chi tiết về toàn bộ quá trình thực hiện dự án đến thời điểm xin điều chỉnh dự án (về khối lượng, giá trị thực hiện, giải ngân từng hạng mục đầu tư...).

III. NỘI DUNG VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

- Căn cứ pháp lý điều chỉnh dự án

- Nêu rõ các nội dung chính của việc điều chỉnh dự án, các thành phần của dự án được điều chỉnh

- Nêu rõ các lý do, nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan dẫn đến phải điều chỉnh dự án (trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án).

IV. ĐÁNH GIÁ LẠI HIỆU QUẢ DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH

V. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 06. Báo cáo đánh giá đột xuất*(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)***NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCĐGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ ĐỘT XUẤT**Tên dự án:****Kính gửi:****I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN***Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.***II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

1. Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án đến thời điểm đánh giá so với mục tiêu đầu tư.
2. Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt.
3. Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có), nguyên nhân phát sinh ngoài dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
4. Ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của những phát sinh ngoài dự kiến đến việc thực hiện chương trình, dự án, khả năng hoàn thành các mục tiêu của chương trình, dự án.

III. KIẾN NGHỊ

Đề xuất các giải pháp cần thiết.

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT
ĐỊNH ĐẦU TƯ***(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 07. Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư*(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGDT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Tổng kết toàn bộ quá trình thực hiện dự án: *Mô tả tóm tắt quá trình thực hiện dự án từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện đầu tư đến kết thúc đầu tư.*

2. Tổng hợp các kết quả thực hiện đạt được của dự án:

2.1. Kết quả thực hiện các nội dung đã được phê duyệt: *Nêu rõ kết quả và mức độ đạt được các nội dung đã được phê duyệt: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện, chất lượng,....*

2.2. Kết quả thực hiện về vốn đầu tư: *So sánh giữa tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư với tổng giá trị thực hiện và giải ngân thực tế; các điều chỉnh chủ yếu về tổng mức đầu tư của dự án (nếu có); các yếu tố ảnh hưởng.*

2.3. Những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện dự án

2.4. Nêu sơ bộ về các lợi ích do dự án mang lại cho những đối tượng thụ hưởng

2.5. Tác động và tính bền vững của dự án: *Nêu những nhân tố tác động, đảm bảo sự bền vững và phát huy hiệu quả của dự án.*

3. Bài học rút ra từ thực tiễn tổ chức thực hiện dự án và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. KIẾN NGHỊ

Nêu các kiến nghị để phát huy tính hiệu quả, sự bền vững hoặc khắc phục các hạn chế của dự án.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 08. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành
(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công; thực hiện hằng năm đến khi có Báo cáo đánh giá tác động)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CHỦ SỬ DỤNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ
TRONG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC, VẬN HÀNH
(Năm....)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02 và chỉ báo cáo một lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi dự án được đưa vào vận hành.

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VẬN HÀNH DỰ ÁN

1. Thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án *(nêu rõ thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án và so sánh với các chỉ tiêu được phê duyệt trong giai đoạn thực hiện đầu tư).*

2. Tính bền vững; những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án *(nếu có).*

3. Tình hình sản xuất, kinh doanh *(đối với dự án đầu tư nhằm mục đích kinh doanh):*

- Tình hình sử dụng lao động *(số lượng, cơ cấu trình độ)* đến thời điểm báo cáo.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động *(lương, bảo hiểm, trợ cấp, phúc lợi xã hội...).*

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách *(số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp).*

- Tình hình lợi nhuận *(số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo).*

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

CHỦ SỬ DỤNG

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 09. Báo cáo đánh giá tác động*(Đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)***TÊN CƠ QUAN THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCGSĐGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**Tên dự án:**

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN*Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.***II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

1. Thực trạng kinh tế - kỹ thuật vận hành.
2. Tác động kinh tế - xã hội.
3. Tác động môi trường, sinh thái.
4. Tính bền vững của dự án.

5. Bài học rút ra từ chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện, vận hành dự án; trách nhiệm của tổ chức tư vấn, cơ quan chủ quản, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. KIẾN NGHỊ*Nêu rõ đề xuất, kiến nghị đối với dự án./.***THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ***(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 10. Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư công thuộc phạm vi quản lý trong năm

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGĐT

..... ngày tháng năm

**BÁO CÁO TỔNG HỢP CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
TRONG NĂM ...**

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

- Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong năm;
- Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ (giá trị khối lượng thực hiện của tất cả các nguồn vốn);
- Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ;
- Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có);
- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư công (nếu có).

(Kèm theo Phụ biểu C.01.1 của Mẫu số 01)

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

1. Tình hình thực hiện các chương trình đầu tư công

1.1. Tổng hợp tình hình lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công: số lượng chương trình đầu tư công được quyết định chủ trương đầu tư, trong đó, nêu rõ số lượng chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có); giá trị tổng vốn nhà nước (bao gồm: vốn đầu tư công (NSTW, NSDP, vốn nước ngoài, vốn khác), kinh phí thường xuyên (NSTW, NSDP) và vốn huy động khác) tham gia vào các chương trình này và các chương trình đầu tư công khác (nếu có).

1.2. Tổng hợp tình hình thực hiện chương trình đầu tư công

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện (trong đó, làm rõ giá trị khối lượng thực hiện của vốn nhà nước tham gia dự án), tổng số vốn giải ngân các dự án thành phần thuộc chương trình đầu tư công, trong đó nêu rõ:

- + vốn đầu tư công (NSTW, NSDP, vốn nước ngoài, vốn khác);
- + kinh phí thường xuyên (NSTW, NSDP);
- + và vốn huy động khác.
- Sơ bộ kết quả đạt được so với mục tiêu của chương trình đã được phê duyệt.

1.3. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

1.4. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo Phụ biểu: C.02.1a, C.02.1b, C.02.1c)

2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư công (bao gồm cả trường hợp doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công bằng văn bản)

2.1. Tổng hợp tình hình chuẩn bị dự án đầu tư công:

- Tổng số dự án đầu tư công được quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư.
- Tổng số dự án đầu tư công được quyết định, điều chỉnh đầu tư, trong đó, nêu rõ số dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

2.2. Tổng hợp tình hình thực hiện các dự án đầu tư công

- Tổng số dự án đầu tư công thực hiện trong kỳ (phân loại theo nhóm Dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, nhóm B, nhóm C; số lượng dự án khởi công mới, số lượng dự án chuyển tiếp từ kỳ trước theo C.02.2a)

- Tình hình thực hiện dự án đầu tư so với tiến độ thực hiện được phê duyệt, trong đó nêu rõ số dự án chậm tiến độ.

- Tình hình thực hiện và giải ngân

+ Tổng giá trị khối lượng thực hiện (chi tiết theo nhóm dự án sử dụng vốn trong nước, dự án sử dụng vốn nước ngoài; nhóm dự án sử dụng vốn NSTW, NSDP)

+ Tổng số vốn giải ngân (chi tiết theo nhóm dự án sử dụng vốn trong nước, dự án sử dụng vốn nước ngoài; nhóm dự án sử dụng vốn NSTW, NSDP).

- Số dự án còn nợ đọng XD CB (nếu có).
- Số dự án được quyết toán vốn đầu tư công trong kỳ.

2.3. Tổng hợp tình hình nghiệm thu, đưa dự án vào khai thác sử dụng

- Số dự án được nghiệm thu hoàn thành.
- Số dự án được quyết toán hoàn thành trong kỳ.
- Số dự án được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trong kỳ, trong đó, nêu rõ số dự án có thất thoát, gây lãng phí (nếu có).

- Tình hình khai thác sử dụng dự án:

+ Tổng số dự án đưa vào khai thác sử dụng.

+ Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ, trong đó, nêu rõ số dự án đưa vào sử dụng nhưng kém hiệu quả (nếu có).

2.4. Các khó khăn, vướng mắc chính trong quá trình thực hiện

2.5. Kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo các Phụ biểu: C.02.2a, C.02.2b,

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG

1. Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước để đầu tư kinh doanh tại doanh nghiệp nhà nước (nội dung báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư thực hiện theo mục V của Mẫu số 01).

2. Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công khác trừ dự án quy định tại mục III.1 nêu trên, nội dung báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư thực hiện theo mục II trên đây.

IV. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành.

2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện./.

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 11. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư
(Đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGĐT

..... ngày tháng.... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ
TRONG GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(6 tháng/năm)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN (theo Quyết định đầu tư)

1. Tên dự án:
2. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền:
3. Đơn vị lập/đề xuất dự án:
4. Nhà đầu tư:
5. Mục tiêu của dự án:
6. Quy mô hạng mục đầu tư chính:
7. Địa điểm dự án:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư:
10. Hợp đồng dự án:
 - Thời gian khởi công:
 - Thời gian hoàn thành xây dựng:
 - Thời hạn Hợp đồng:
 - Tiến độ thực hiện:
11. Quyết định đầu tư: số, ngày, tên cơ quan phê duyệt.
12. Tổng mức đầu tư
13. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư trong đó:
 - Vốn nhà nước tham gia vào dự án:
 - + Vốn ngân sách trung ương

- + Vốn ngân sách địa phương
- + Vốn ngân sách nhà nước khác
- Vốn chủ sở hữu:
- Vốn vay và vốn huy động khác

14. Phương án tài chính:

15. Thông tin về doanh nghiệp dự án:

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (số, ngày cấp, tên cơ quan cấp):
- Vốn điều lệ:
- Người đại diện theo pháp luật:

(Nội dung này chỉ báo cáo một lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi dự án được khởi công hoặc sau khi có quyết định điều chỉnh dự án, điều chỉnh hợp đồng, làm thay đổi các thông tin về dự án)

(Kèm theo Phụ biểu 11.1)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tiến độ thực hiện dự án *(nêu kết quả thực hiện các công việc chính của dự án; ước khối lượng thực hiện trong kỳ, lũy kế từ đầu năm, từ đầu dự án và so sánh với kế hoạch)*.

2. Tình hình thực hiện vốn đầu tư cho dự án *(nêu kết quả thực hiện vốn cho dự án trong kỳ theo các nguồn vốn (vốn nhà nước; vốn chủ sở hữu; vốn vay và huy động hợp pháp khác); lũy kế từ đầu năm và từ đầu dự án; so sánh với kế hoạch)*.

3. Tình hình thực hiện các nội dung tại hợp đồng dự án.

4. Khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).

(Kèm theo Phụ biểu 11.2)

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý, những khó khăn của dự án./.

NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 12. Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình khai thác, vận hành (cả năm)
(Đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư)

TÊN CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCĐGĐT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ
TÌNH HÌNH KHAI THÁC, VẬN HÀNH
(Năm....)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 11.

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VẬN HÀNH DỰ ÁN

1. Thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án *(nêu rõ thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án và so sánh với các chỉ tiêu được phê duyệt trong giai đoạn thực hiện đầu tư)*.

2. Tính bền vững; những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án *(nếu có)*.

3. Tình hình sản xuất, kinh doanh *(đối với dự án đầu tư nhằm mục đích kinh doanh)*:

- Tình hình sử dụng lao động *(số lượng, cơ cấu trình độ)* đến thời điểm báo cáo.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động *(lương, bảo hiểm, trợ cấp, phúc lợi xã hội...)*.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách *(số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp)*.

- Tình hình lợi nhuận *(số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo)*.

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có).

CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 13. Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình thực hiện dự án đầu tư
(gồm tình hình thực hiện và tình hình khai thác vận hành dự án đầu tư) (dành cho Nhà đầu tư)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGĐT

..... ngày tháng.... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

(Quý Năm)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư thứ nhất:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Quốc tịch/ Quốc gia:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

b) Nhà đầu tư tiếp theo:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

2. Tổ chức kinh tế (doanh nghiệp dự án)

- Tên doanh nghiệp:
- Các thông tin để giao dịch (*địa chỉ doanh nghiệp, số điện thoại, địa chỉ email...*):
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*số, ngày, nơi cấp*):
- Thông tin về người đại diện theo pháp luật:
- Vốn điều lệ:
- Vốn pháp định (*nếu có*):

3. Dự án đầu tư

- Tên dự án:
 - Địa điểm thực hiện:
 - Văn bản chấp thuận/điều chỉnh chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) (nêu rõ số quyết định, ngày cấp, cơ quan cấp, lần cấp)
 - Mục tiêu, quy mô: (nêu rõ diện tích sử dụng đất (m^2), công suất, các hạng mục chính (nếu có);
 - Tiến độ, Thời gian thực hiện dự án
 - Tổng vốn đầu tư đăng ký theo QĐ chấp thuận/điều chỉnh CTĐT/ Giấy CNĐKĐT: (nêu rõ tổng vốn đăng ký (triệu VNĐ), Vốn chủ sở hữu (giá trị, tỷ lệ trên tổng vốn đầu tư)
 - Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có):
 - Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có):
- (Nội dung này chỉ báo cáo một lần vào kỳ đầu tiên sau khi dự án được khởi công hoặc sau khi dự án được điều chỉnh làm thay đổi các thông tin về dự án).

(Kèm theo Phụ biểu 13.1.1a)

4. Thông tin về dự án theo Quyết định đầu tư (chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước, nhà đầu tư được lựa chọn theo hình thức Đấu thầu...)

Ghi theo các nội dung thông tin tại Quyết định đầu tư, như địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án, tổng mức đầu tư, tổng vốn đầu tư theo QĐ đầu tư)

(kèm theo các Phụ biểu 13.1.1b, 13.1.1c)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án đầu tư do Nhà đầu tư là Tổ chức kinh tế và Cá nhân (Bao gồm cả doanh nghiệp FDI)

Ghi các nội dung Vốn đầu tư đã thực hiện (vốn chủ sở hữu, vốn huy động thực tế, tổng vốn thực hiện), Kết quả hoạt động kinh doanh, Thông tin về người lao động, Nộp ngân sách nhà nước (triệu VNĐ), Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (triệu VNĐ), Giá trị xử lý và bảo vệ môi trường (triệu VNĐ), Các chỉ tiêu chuyên ngành khác (triệu VNĐ), Tình trạng Dự án, Khó khăn vướng mắc

(Kèm theo Phụ biểu 13.1.2a)

2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư do Nhà đầu tư là Doanh nghiệp nhà nước báo cáo

Ghi các nội dung Vốn đầu tư đã thực hiện (vốn chủ sở hữu, vốn huy động thực tế, tổng vốn thực hiện), Kết quả hoạt động kinh doanh, Thông tin về người lao động, Nộp ngân sách nhà nước (triệu VNĐ), Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (triệu VNĐ),

Giá trị xử lý và bảo vệ môi trường (triệu VNĐ), Các chỉ tiêu chuyên ngành khác (triệu VNĐ), Tình trạng Dự án, Khó khăn vướng mắc

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước (*tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, Thực hiện cam kết nộp NSNN (giá trị nộp ngân sách Nhà nước (M); giá trị hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; giá trị nộp NSNN khác*), Giá trị thực hiện các nghĩa vụ khác theo cam kết).

(Kèm theo Phụ biểu 13.1.2b)

3. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có)

4. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án (nếu có).

III. TÌNH HÌNH KHAI THÁC, VẬN HÀNH

1. Tình hình sản xuất, kinh doanh:

- Tình hình sử dụng lao động đến thời điểm báo cáo.
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp*).
- Kết quả sản xuất kinh doanh (*lợi nhuận đạt được, thua lỗ (nếu có)*).
- Tình hình thực hiện đầu tư cho nghiên cứu và phát triển.

2. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai;
- Về việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ;
- Về việc chấp hành các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
- Về việc chấp hành các quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

IV. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 14. Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình đầu tư

(gồm tình hình thực hiện và tình hình khai thác vận hành dự án đầu tư) (dành cho Cơ quan đăng ký đầu tư và UBND cấp tỉnh)

UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCGSĐGĐT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ**(Quý.... Năm..../Năm)**

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC

1. Đánh giá về tình hình chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư; cấp, điều chỉnh Giấy CNĐKĐT

2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư

3. Đánh giá kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

3.1. Kết quả đạt được

3.2. Tồn tại, hạn chế

3.3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

a. Nguyên nhân khách quan

b. Nguyên nhân chủ quan

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC, VẬN HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tình hình sản xuất, kinh doanh:

- Tình hình sử dụng lao động đến thời điểm báo cáo.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách *(số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp)*.

- Kết quả sản xuất kinh doanh *(lợi nhuận đạt được, thua lỗ (nếu có))*.

- Tình hình thực hiện đầu tư cho nghiên cứu và phát triển.

2. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai;

- Về việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ;

- Về việc chấp hành các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
- Về việc chấp hành các quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

III. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 15. Báo cáo đánh giá đột xuất
(Đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác)

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ/CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCĐGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ ĐỘT XUẤT

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 13

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Sự phù hợp của kết quả thực hiện dự án so với mục tiêu đầu tư.
2. Mức độ hoàn thành khối lượng công việc so với quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
3. Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có) và nguyên nhân.
4. Ảnh hưởng của những phát sinh ngoài dự kiến đến việc thực hiện dự án, khả năng hoàn thành mục tiêu của dự án.

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Nêu những đề xuất, kiến nghị đối với dự án.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ/
 CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ**
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 16. Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư
(Đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGĐT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ
TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 13

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Báo cáo chi tiết về toàn bộ quá trình thực hiện dự án đến thời điểm xin điều chỉnh dự án (về khối lượng, giá trị thực hiện, giải ngân từng hạng mục đầu tư...).

III. NỘI DUNG VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

- Nêu căn cứ pháp lý điều chỉnh dự án.

- Nêu rõ các nội dung chính của việc điều chỉnh dự án, các thành phần của dự án được điều chỉnh.

- Nêu rõ các lý do, nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan dẫn đến phải điều chỉnh dự án (trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án).

IV. ĐÁNH GIÁ LẠI HIỆU QUẢ DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH

V. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 17. Báo cáo đánh giá kết thúc
(Đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác)

**NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC
KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCĐGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 13.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu (*đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu, trừ mục tiêu kinh doanh*):

- Những mục tiêu về xây dựng dự án, tạo lập dự án, doanh nghiệp:
- Những mục tiêu về quy mô:
- Những mục tiêu khác:

2. Đánh giá kết quả huy động các nguồn lực (*đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu*):

- Nguồn lực tài chính (vốn chủ sở hữu, vốn vay và huy động khác,...):
- Nguồn nguyên liệu:
- Đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác:
- Nguồn lực lao động, chất xám, công nghệ:
- Các nguồn lực về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, như: điện, nước, giao thông...
- Các nguồn lực khác:

3. Đánh giá tiến độ thực hiện (*đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu. Đặc biệt những vướng mắc về chế độ,*

chính sách, thủ tục hành chính...; sự phối hợp giữa nhà đầu tư và các cơ quan quản lý, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước.):

- Tiến độ chuẩn bị dự án:
- Tiến độ giải phóng mặt bằng:
- Tiến độ xây dựng:
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử:
- Tiến độ huy động vốn:

4. Đánh giá về lợi ích của dự án (*nêu những lợi ích do dự án mang lại trong quá trình thực hiện, dự tính những lợi ích dự án sẽ mang lại trong quá trình hoạt động kinh doanh*).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

**NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ
THỰC HIỆN DỰ ÁN**
(*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*)

Mẫu số 18. Báo cáo đánh giá tác động
(Đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU
 TƯ/CƠ QUAN QUẢN LÝ
 NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCĐGĐT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 13.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Thực trạng việc khai thác, vận hành dự án.
2. Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Nêu những đề xuất, kiến nghị đối với dự án.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ/CƠ QUAN
 QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ**
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 19. Báo cáo tình hình giám sát đầu tư của cộng đồng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG
Tên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã
(Quý .../năm....)

Kính gửi:.....

[illegible]

III Dự án sử dụng nguồn vốn khác									
1									
2									
(...)									

Ban giám sát cộng đồng xã....

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

Đánh dấu x vào ô tương ứng với nội dung đã được giám sát; trong đó:

- Đối với các dự án ở Mục I cần giám sát tất cả các nội dung.
- Đối với các dự án ở Mục II cần giám sát các nội dung: (3), (4), (5), (6), (7), (8).
- Đối với các dự án ở Mục III cần giám sát các nội dung: (3), (4), (5), (6), (8).

II. PHỤ BIỂU BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

STT	KÍ HIỆU	TÊN PHỤ BIỂU
I	B	BAN HÀNH HƯỚNG DẪN VÀ QUY HOẠCH MẪU SỐ 01
1	B.01.1	Tình hình ban hành văn bản hướng dẫn chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư
2	B.02.1	Tình hình phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch
3	B.02.2	Tình hình phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch (do Bộ Tài chính báo cáo)
II	C	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MẪU SỐ 01
4	C.01.1	Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ báo cáo
5	C.02.1a	Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công
6	C.02.1b	Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công do chủ chương trình báo cáo
7	C.02.1c	Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công do Bộ, cơ quan trung ương và địa phương báo cáo
8	C.02.2a	Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn nhà nước
9	C.02.2b	Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư công phân theo nguồn vốn
10	C.04.1	Tổng hợp tình hình đầu tư PPP theo Bộ, cơ quan trung ương và địa phương
14	C.05.1	Tình hình chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư
15	C.05.2	Tình hình thực hiện dự án đầu tư
16	C.05.3	Báo cáo về tình hình thu hút các dự án đầu tư lớn
17	C.05.4	Danh mục dự án đang có nhà đầu tư quan tâm
18	C.06	Tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng
III	KHÁC	PHỤ BIỂU CÁC MẪU SỐ KHÁC
19	03A.1.1	Tổng hợp tình hình thực hiện và giải ngân các dự án sử dụng vốn đầu tư công trong nước
20	03A.1.2	Tổng hợp tình hình thực hiện và giải ngân các dự án ODA
21	03A.2	Tổng hợp tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công
22	03A.3	Tổng hợp tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công toàn quốc
23	11.1	Tổng hợp dự án PPP
24	11.2	Thông tin về tình hình thực hiện dự án PPP được triển khai kể từ thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành
25	11.3	Thông tin về tình hình thực hiện dự án PPP được triển khai kể từ thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành (do Bộ Tài chính tổng hợp)
26	13.1.1a	Thông tin dự án đầu tư do nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện
27	13.1.1b	Thông tin dự án đầu tư do doanh nghiệp nhà nước thực hiện
28	13.1.1c	Thông tin dự án đầu tư do doanh nghiệp FDI thực hiện
29	13.1.2a	Tình hình thực hiện dự án đầu tư do nhà đầu tư là tổ chức kinh tế và cá nhân thực hiện
30	13.1.2b	Tình hình thực hiện dự án đầu tư do nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước thực hiện

Phụ biểu: B.01.1

TÌNH HÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ

Đơn vị báo cáo: bộ, cơ quan trung ương, và UBND cấp tỉnh

ST T	Tên văn bản, trích yếu nội dung văn bản	Số văn bản	Thời điểm ban hành	Cơ quan ban hành	Số lượng
I	Văn bản hướng dẫn thực hiện liên quan đến pháp luật về đầu tư công				
1					
2					
...					
II	Văn bản hướng dẫn thực hiện liên quan đến pháp luật về PPP				
1					
2					
...					
III	Văn bản hướng dẫn thực hiện liên quan đến pháp luật về đầu tư				
1					
2					
...					
IV	Văn bản hướng dẫn liên quan đến pháp luật về quy hoạch				
1					
2					
...					
V	Tổng số văn bản ban hành				

Lưu ý: chỉ thống kê những văn bản được cấp có thẩm quyền ban hành để hướng dẫn chính sách pháp luật liên quan đến đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, PPP, đầu tư.

Phụ biểu: B.02.1

TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Đơn vị báo cáo: bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, xã

TT	Tên Quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch	Cấp quy hoạch								Tình hình thực hiện				
		Cấp quốc gia	Vùng	Tỉnh	Chi tiết ngành	Đô thị và nông thôn			Đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt	Lập	Thẩm định			
						Chung	Phân khu	Chi tiết				Số quyết định/quyết định điều chỉnh	Ngày, tháng, năm	Cơ quan phê duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I	Phê duyệt quy hoạch													
1														
2														
...														
	Tổng số													
II	Điều chỉnh quy hoạch													
1														
2														
...														
	Tổng số													

Lưu ý:

(3)-(12): Tích dấu x

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ TRONG KỲ BÁO CÁO

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm (bao gồm số chuyển nguồn năm trước)	Bổ trí trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện trong kỳ		Tình hình giải ngân trong kỳ		Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ[1] (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện[2] (nếu có)
					Giá trị	So với KH vốn năm (%)	Giá trị	So với KH vốn năm (%)		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7) = (6)/(1)	(8)	(9)
I	Dự án đầu tư công									
1	Vốn đầu tư công									
1.1	Vốn NSNN (vốn trong nước)									
a	Vốn NSTW									
b	Vốn NSDP									
1.2	Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài									
1.3	Vốn đầu tư công khác									
2	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công									
3	Vốn khác[3]									
3.1	Trong nước									
3.2	Nước ngoài									
II	Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công									
1	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công									
2	Vốn khác									
2.1	Trong nước									
2.2	Nước ngoài									
III	Dự án đầu tư theo phương thức PPP									
1	Vốn nhà nước tham gia dự án PPP									
1.1	Vốn đầu tư công									
1.2	Vốn nhà nước khác									
2	Vốn chủ sở hữu									
3	Vốn huy động									
3.1	Trong nước									
3.2	Nước ngoài									
IV	Dự án sử dụng nguồn vốn khác (vốn của các nhà đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài,...)[4]									
1	Vốn trong nước									
2	Vốn nước ngoài									
V	Tổng cộng									
1	Vốn đầu tư công (1.1+ III.1.1)									
2	Vốn nhà nước ngoài ĐTC (1.2+ II.1+III.1.2)									
3	Vốn khác									
3.1	Trong nước (I 3.1+II.2.1+III.3.1+IV.1)									
3.2	Nước ngoài (I 3.2+II.2.2+III.3.2+IV.2)									

[1] Sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

[2] Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

[3] Là vốn không phải vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công được sử dụng trong dự án đầu tư công

[4] Đối với dự án sử dụng nguồn vốn khác: Chỉ cần điền thông tin vào các cột sau: cột số (1): ghi tổng vốn của các dự án đăng ký mới hoặc giá trị tăng thêm của các dự án điều chỉnh vốn đầu tư trong năm; cột số (4): giá trị thực hiện; cột số (6): giá trị giải ngân; cột (8) và (9) (nếu có).

TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG**Đơn vị báo cáo: bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh**

TT	Nội dung	Chương trình mục tiêu quốc gia	Chương trình ĐTC do Chính phủ quyết định CTĐT	Chương trình ĐTC do bộ, cơ quan trung ương, địa phương quyết định CTĐT
I	Chủ chương trình[1]			
1	Số lượng chương trình			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			
II	Chủ dự án thành phần[2]			
1	Số lượng dự án			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			

[1] Là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì quản lý chương trình ĐTC (đối với chương trình MTQG, chủ chương trình là cơ quan chủ trì quản lý tổng thể toàn bộ chương trình); báo cáo tổng hợp số liệu của toàn bộ các chương trình ĐTC do mình quản lý.

[2] Là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình ĐTC; báo cáo tổng hợp số liệu của toàn bộ các dự án thành phần thuộc chương trình ĐTC do mình chủ trì quản lý.

Phụ biểu: C.02.1b
TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG
 Đơn vị báo cáo: Chủ trương trình

TT	Tên Chương trình	Quyết định CTDT/ điều chỉnh CTDT	Quyết định đầu tư/ điều chỉnh QĐDT	Cơ quan quyết định	Đối tượng thụ hưởng	Phạm vi thực hiện	Thời gian thực hiện	TMDT	Cơ cấu nguồn vốn						Huy động vốn trong kỳ														
									Vốn đầu tư công				Kinh phí thường xuyên		Vốn huy động khác	Vốn đầu tư công được giao theo kế hoạch năm và nguồn ngân sách nhà nước khác cho đầu tư									Kinh phí thường xuyên theo được giao theo dự toán năm				Vốn huy động khác
									Trong nước		Vốn nước ngoài	Vốn khác	NSTW	NSDP		Tổng	Trong nước		Vốn nước ngoài	Vốn khác	Tổng	NSTW	NSDP						
									NSTW	NSDP							NSTW	NSDP											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)					
1	Chương trình...																												
1.1	hoặc nội dung hoạt động...																												
1.1.1	Dự án...																												
...																													
1.2	hoặc nội dung hoạt động...																												
1.2.1	Dự án...																												
...																													
2	Chương trình...																												
2.1	hoặc nội dung hoạt động...																												
2.1.1	Dự án...																												
...																													
2.2	hoặc nội dung hoạt động...																												
2.2.1	Dự án...																												
...																													

(3), (4): Ghi các thông tin số quyết định, ngày, tháng, năm

Đơn vị giá trị: tỷ đồng

[illegible]

Phụ biểu: C.02.1c
TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG
 Đơn vị báo cáo: bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh

Đơn vị giá trị: tỷ đồng

TT	Tên Chương trình	Quyết định CTDT/ điều chỉnh CTDT	Quyết định đầu tư/ điều chỉnh QĐDT	Cơ quan quyết định	Đối tượng thụ hưởng	Phạm vi thực hiện	Thời gian thực hiện	TMDT	Cơ cấu nguồn vốn							Huy động vốn trong kỳ										
									Vốn đầu tư công				Kinh phí thường xuyên		Vốn huy động khác	Vốn đầu tư công được giao theo kế hoạch năm và nguồn ngân sách nhà nước khác cho đầu tư							Kinh phí thường xuyên theo được giao theo dự toán năm			Vốn huy động khác
									Trong nước		Vốn nước ngoài	Vốn khác	NSTW	NSDP		Tổng	Trong nước		Vốn nước ngoài	Vốn khác	Tổng	NSTW	NSDP			
									NSTW	NSDP							NSTW	NSDP								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)		
1	Chương trình...																									
1.1	Dự án thành phần/ hoặc nội dung hoạt động...																									
1.1.1	Dự án...																									
...																										
1.2	Dự án thành phần/ hoặc nội dung hoạt động...																									
1.2.1	Dự án...																									
...																										
2	Chương trình...																									
2.1	Dự án thành phần/ hoặc nội dung hoạt động...																									
2.1.1	Dự án...																									
...																										
2.2	Dự án thành phần/ hoặc nội dung hoạt động...																									
2.2.1	Dự án...																									
...																										

(3), (4): Ghi các thông tin số quyết định, ngày, tháng, năm

[illegible]

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Đơn vị báo cáo: Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã

[illegible]

[illegible]

Phụ biểu C.02.2b

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG PHẦN THEO NGUỒN VỐN

Đơn vị báo cáo: bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã

[illegible]

[illegible]

Phụ biểu C.04.1

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC PPP THEO BỘ, CQ TW, ĐỊA PHƯƠNG

Tên đơn vị báo cáo: Bộ, CQ TW, Địa phương

(Kỳ báo cáo QuýNăm.....)

[illegible]

[illegible]

Phụ biểu C.05.1

TÌNH HÌNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Tên địa phương:.....

(Kỳ báo cáo QuýNăm.....)

STT	Nội dung	Quý báo cáo			
		Số lượng dự án FDI	Số lượng dự án trong nước	Tổng số	So sánh với quý trước liền kề (tăng/giảm %)
I	Tình hình chấp thuận, điều chỉnh CTĐT				
1	Tình hình chấp thuận Chủ trương đầu tư Dự án đầu tư mới				
1.1	Số lượng hồ sơ đề xuất				
1.2	Số lượng hồ sơ hợp lệ				
1.3	Số dự án đã được chấp thuận chủ trương				
-	Đúng hạn				
-	Quá hạn				
1.4	Số dự án đang xử lý				
-	Đúng hạn				
-	Quá hạn				
2	Tình hình điều chỉnh Chủ trương đầu tư				
2.1	Số lượng hồ sơ đề xuất				
2.2	Số lượng hồ sơ hợp lệ				
2.3	Số dự án đã được chấp thuận điều chỉnh chủ trương				
-	Đúng hạn				
-	Quá hạn				
2.4	Số dự án đang xử lý				
-	Đúng hạn				
-	Quá hạn				
II	Tình hình cấp Giấy CNĐKBĐT				
1	Tình hình cấp Giấy CNĐKBĐT cho Dự án mới				
1.1	Số lượng hồ sơ đăng ký nộp				
1.2	Số lượng hồ sơ hợp lệ				
1.3	Số lượng hồ sơ đã cấp:				
1.4	Số lượng hồ sơ đang xử lý				
-	Đúng hạn				
-	Quá hạn				
2	Tình hình điều chỉnh Giấy CNĐKBĐT				
2.1	- Số lượng hồ sơ điều chỉnh đã nộp:				
2.2	- Số lượng hồ sơ điều chỉnh hợp lệ:				
2.3	- Số lượng hồ sơ đã được điều chỉnh:				
2.4	- Số lượng hồ sơ đang xử lý:				
-	Trong hạn				
-	Quá hạn				

STT	Nội dung	Quý báo cáo			
		Số lượng dự án FDI	Số lượng dự án trong nước	Tổng số	So sánh với quý trước liền kề (tăng/giảm %)
III	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ				
IV	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ				
V	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ				
VI	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ				
VII	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ				
VIII	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ				
IX	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ				

Phụ biểu C.05.2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(QuýNăm)

Đơn vị tính tiền: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Kỳ báo cáo			
		Dự án FDI	Dự án của Nhà đầu tư trong nước	Tổng số	So sánh với quý trước (tăng/giảm %)
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ				
2	Tổng vốn đầu tư đăng ký trong kỳ (tỷ đồng)				
a	Tổng vốn của các Dự án đăng ký mới (tỷ đồng)				
b	Tổng vốn của các Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư (tỷ đồng)				
3	Tổng vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng)				
a	Vốn chủ sở hữu				
b	Vốn vay				
c	Vốn huy động hợp pháp khác				
4	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ				
5	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ				
a	Số dự án có lợi nhuận				
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)				
6	Kế hoạch thu hút đầu tư của năm sau (Chỉ áp dụng tại thời điểm áp dụng kỳ báo cáo Quý IV năm báo cáo)				
	Tổng vốn đầu tư dự kiến thu hút				
	Tổng giải ngân vốn đầu tư dự kiến				

Phụ biểu C.05.3
BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH THU HÚT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ LỚN
(Kỳ báo cáo Năm

STT	Nội dung	Năm báo cáo							
		Dự án FDI				Dự án trong nước			
		Ngành nghề kinh doanh chính (mã ngành nghề)	Diện tích sử dụng đất (ha)	Tổng vốn đầu tư (Triệu USD)	Tiến độ thực hiện	Ngành nghề kinh doanh chính (mã ngành nghề)	Diện tích sử dụng đất (ha)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện
I	Dự án từ 3.000 tỷ VNĐ (*)								
1	Tên dự án								
2	Tên dự án								
...	...								
II	Dự án từ 6.000 tỷ VNĐ (**)								
1	Tên dự án								
2	Tên dự án								
...	...								
III	Dự án từ 10.000 tỷ VNĐ (***)								
1	Tên dự án								
2	Tên dự án								
...	...								

Ghi chú:

(*) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

(**) Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo theo pháp luật về công nghiệp công nghệ số

(***) Dự án đầu tư khác không thuộc ngành nghề (*) và (**)

Phụ biểu C.05.4

DANH MỤC DỰ ÁN ĐANG CÓ NHÀ ĐẦU TƯ QUAN TÂM

[illegible]

Phụ biểu C.06
Tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng
Tên địa phương:
Năm:

STT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong đó:			Ghi chú
			Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng; vốn ngân sách cấp xã; vốn tài trợ trực tiếp cho cấp xã	Dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo phương thức PPP	Dự án sử dụng vốn khác	
1	Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn					
2	Tổng số dự án cộng đồng đã giám sát, trong đó:					
a	<i>Đúng quy định</i>					
b	<i>Có vi phạm</i>					
c	<i>Chưa xác định được</i>					
3	Số dự án cộng đồng chưa giám sát, trong đó:					
a	<i>Do các cơ quan chưa công khai thông tin</i>					
b	<i>Do chủ đầu tư chưa công khai thông tin</i>					
c	<i>Lý do khác</i>					
4	Tổng số dự án cộng đồng đã phản ánh có vi phạm:					
a	<i>Đã có thông báo kết quả xử lý</i>					
b	<i>Chưa có thông báo kết quả xử lý</i>					
c	<i>Chủ đầu tư đã chấp hành theo thông báo</i>					

[illegible]

Phụ biểu 03A.1.2
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ODA
 Tháng Năm....
 Đơn vị báo cáo: Chủ đầu tư

STT	Tên dự án	Tên cơ quan chủ quản	Tên nhà tài trợ/đồng tài trợ (nếu có)	Quyết định CTĐT	Quyết định đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Nhóm dự án	TMDT	Cơ cấu nguồn vốn						Cơ chế tài chính trong nước		Thời gian thực hiện	Thời gian giải ngân của hiệp định vay	Kế hoạch vốn năm						
									Vốn ODA không hoàn lại	Vốn vay ODA	Vốn vay ưu đãi	Vốn đối ứng			Vốn cấp phát	Vốn vay lại			Tổng	Cấp phát Vốn ODA, vốn vay ưu đãi	Vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi	Vốn đối ứng			
												Vốn NSTW	Vốn ĐP	Vốn đối ứng khác								Tổng	NSTW	ĐP	Vốn đối ứng khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)

Ghi chú - Vốn đối ứng khác là khoản vốn được bố trí từ nguồn vốn đóng góp của chủ dự án tự bố trí hoặc đối

[illegible]

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Đơn vị báo cáo: Bộ, ngành, cơ quan trung ương, UBND các cấp

[illegible]

[illegible]

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TOÀN QUỐC

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TOÀN QUỐC

Tháng Năm....

[illegible]

Phụ biểu: 11.1

TỔNG HỢP DỰ ÁN PPP

Đơn vị báo cáo: bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh

[illegible]

[illegible]

Thông tin về tình hình thực hiện dự án PPP được triển khai kể từ thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành

Thông tin về tình hình thực hiện dự án PPP được triển khai kể từ thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành

Đơn vị báo cáo: bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh

[illegible]

[illegible]

Biểu tổng hợp của Bộ Tài chính

[illegible]

[illegible]

THÔNG TIN DỰ ÁN ĐẦU TƯ DO NHÀ ĐẦU TƯ, TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN
Kỳ báo cáo Quý ... Năm ...

Tên người đại diện pháp luật:.....

[illegible]

THÔNG TIN DỰ ÁN ĐẦU TƯ DO DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN

Tên nhà đầu tư:

Dja chi trư số chi số:.....

Tên người đại diện pháp luật:.....

Tỷ lệ vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ trong doanh nghiệp nhà nước : %

Doanh nghiệp dự án:.....

[illegible]

[illegible]

THÔNG TIN DỰ ÁN ĐẦU TƯ DO DOANH NGHIỆP FDI THỰC HIỆN

Tên nhà đầu tư:.....

Tên tổ chức kinh tế thành lập tại Việt Nam:.....

Tên người đại diện pháp luật:.....

[illegible]

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ DO NHÀ ĐẦU TƯ LÀ TỔ CHỨC KINH TẾ VÀ CÁ NHÂN

Tên nhà đầu tư:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Tên người đại diện pháp luật:.....

Tỷ lệ vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ trong doanh nghiệp nhà nước: %

Doanh nghiệp dự án:.....

[illegible]

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ DO NHÀ ĐẦU TƯ LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Tên nhà đầu tư:..... (được cấp tài khoản và tự động nhảy theo tên tài khoản đăng nhập)

Tên người đại diện pháp luật:..... (hiện theo tên tài khoản đăng nhập)

Tỷ lệ vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ trong doanh nghiệp nhà nước (Điều 88 Luật Doanh nghiệp): % (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

Doanh nghiệp dự án:.....

[illegible]

[illegible]